TÒA ÁN ND HUYỆN TS **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2023/QĐST- HNGĐ	*TS, ngày 13 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 43/2022/TLSTHNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1988
2. Chị Mai Thị O, sinh năm 1988

Đều có nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã Đ, huyện TS, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T và chị Mai Thị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TS, tỉnh T cấp ngày 23/02/2010. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, sống không có hạnh phúc. Anh T và chị O đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Mai Khánh L, sinh ngày 04/01/2011, cháu Nguyễn Thi Khánh V, sinh ngày 13/4/2014 và cháu Nguyễn Đình Khánh H, sinh ngày 21/8/2017. Các đương sự thống nhất thỏa thuận: anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung, chị O cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi cháu 1.000.000đ/01 tháng, kể từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị O có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự thống nhất thỏa thuận chị O chịu toàn bộ lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình T và chị Mai Thị O.

- Về con chung: Công nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Mai Khánh L, sinh ngày 04/01/2011, cháu Nguyễn Thi Khánh V, sinh ngày 13/4/2014 và cháu Nguyễn Đình Khánh H, sinh ngày 21/8/2017. Các đương sự thống nhất thỏa thuận: anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung, chị O cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi cháu 1.000.000đ/01 tháng, kể từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị O có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Đình T và chị Mai Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Mai Thị O nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Tân đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016816 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS. Chị O đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND T. T;
- VKSND TS;
- Chi cục THADS TS;
- UBND xã Đồng Lợi;
- Người yêu cầu;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lan